

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST

Ngày: 15/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Sỹ Thắng

2. Bà Lê Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký, TANDH.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS ngày 03/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: **Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;**

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Con ông: **Trần Văn N** (đã chết); Con bà: **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1945; Vợ: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1987. Có 03 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 21/4/2023 đến ngày 24/4/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Ngọc H1**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa**

2. Chị **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa**

3. Anh **Văn Đình B**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm nghề lái xe chở vật liệu xây dựng tại **huyện Q và huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa**, **Trần Văn H** quen biết một số người dân có nhu cầu vay tiền nhưng không muốn làm thủ tục với Ngân hàng; vì vậy từ tháng 11/2021 đến tháng 11/2022, **H** đã sử dụng tiền vốn của cá nhân cho 03 người trên địa bàn **huyện Q và huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa** vay tiền để thu lời bất chính, cụ thể như sau:

1. Ngày 15/11/2021, **Trần Văn H** cho anh **Lê Ngọc H1** vay 10.000.000đ, không xác định thời hạn trả nợ gốc, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với tiền lãi hàng tháng anh **H1** phải trả là 900.000đồng.

Tính từ ngày vay đến ngày 21/4/2023 (17 tháng 06 ngày), anh **H1** chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi tháng nào cho **H**. Đối với khoản vay này, tổng số tiền lãi **H** nhằm thu là 15.480.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.827.397đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định nhằm thu lời bất chính là **12. 652.603đ**đồng.

Hiện tại anh **H1** còn nợ 10.000.000đ tiền gốc, 15.480.000đ tiền lãi.

2. Ngày 28/10/2022, **H** cho chị **Nguyễn Thị N2** vay 50.000.000đ, không xác định thời hạn trả nợ gốc, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với tiền lãi hàng tháng chị **N2** phải trả cho **H** là 4.500.000đồng.

Tính từ ngày vay đến ngày 19/4/2023 (05 tháng 22 ngày), chị **N2** đã trả toàn bộ tiền gốc và 03 tháng tiền lãi là 13.500.000đ (trong đó lãi hợp pháp là 2.465.753đ, tiền lãi vượt quá quy định là 11.034.247đ), còn nợ 02 tháng 22 ngày lãi là 12.300.000đ. Đối với khoản vay này, tổng số tiền lãi **H** nhằm thu là 25.800.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.712.329đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định nhằm thu lời bất chính là **21.087.671đ**đồng.

Hiện tại chị **N2** còn nợ 12.300.000đ tiền lãi, không nợ gốc

3. Ngày 15/11/2022, **H** cho anh **Văn Đình B** vay 30.000.000đ, không xác định thời hạn trả nợ gốc, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất

109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với tiền lãi hàng tháng anh **B** phải trả là 2.700.000đồng.

Tính từ ngày vay đến ngày 21/4/2023 (05 tháng 06 ngày), anh **B** đã trả được 3 tháng lãi là 8.100.000đ (trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.479.452đ, tiền lãi vượt quá quy định là 6.620.548đ), còn nợ 02 tháng 06 ngày lãi là 5.940.000đ và chưa trả 30.000.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, tổng số tiền lãi **H** nhằm thu lợi là 14.040.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.564.384đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định nhằm thu lợi bất chính là **11.475.616đ**đồng.

Hiện tại anh **B** còn nợ 30.000.000đ tiền gốc, 5.940.000đ tiền lãi

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 11/2022, **Trần Văn H** đã sử dụng số tiền gốc 90.000.000đ cho 3 người vay, với tổng số tiền lãi là 55.320.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 10.104.110đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định nhằm thu lợi bất chính là **45.215.890đ**đồng.

****Về các biện pháp tư pháp:***

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tổng số tiền là 90.000.000đ **H** sử dụng cho khách vay. Đây là tiền **H** sử dụng làm công cụ phạm tội cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước. Trong đó: Truy thu của **H** số tiền 50.000.000đ chị **N2** đã trả cho, truy thu 40.000.000đ của những người vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước gồm: anh **H1** 10.000.000đ, anh **B** 30.000.000đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự:* Tổng số tiền 3.945.205đ là tiền lãi 03 tháng **H** đã thu được của chị **N2** và anh **B** tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 17.654.795đ gồm:* chị **N2** 11.034.247đ; anh **B** 6.620.548đ. Quá trình điều tra xác định chị **N2** và anh **B** đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp; do vậy, cần buộc **H** phải trả lại số tiền trên cho những người vay. Tuy nhiên, chị **Nguyễn Thị N2** và anh **Văn Đình B** không yêu cầu **H** phải trả lại số tiền trên.

**** Tình tiết khác của vụ án:***

Ngày 15/5/2021, **Trần Văn H** cho anh **Lê Ngọc H1** vay 20.000.000đ, không xác định thời hạn trả nợ gốc, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với tiền lãi hàng tháng anh **H1** phải trả là 1.800.000đ, đến ngày

15/11/2021, anh **H1** đã trả cho **H** toàn bộ tiền gốc và 06 tháng tiền lãi là 10.800.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.972.603đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định nhằm thu lời bất chính là **8.827.397đ**. Tuy nhiên tính đến ngày phát hiện tội phạm 21/4/2023, khoản vay này đã kết thúc được 01 năm 5 tháng 6 ngày. Đối với khoản vay này, số tiền thu lời bất chính chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và cũng hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với **H** về khoản vay này.

Quá trình điều tra, **Trần Văn H** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSQX ngày 29/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố **Trần Văn H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 BLHS

Đề nghị xử phạt: **Trần Văn H** phạt tiền từ 60.000.000đ đến 70.000.000đ

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu của **H** 50.000.000đ tiền gốc chi **N2** đã trả nộp Ngân sách Nhà nước.
- Truy thu 40.000.000đ của những người vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước gồm: anh **H1** 10.000.000đ, anh **B** 30.000.000đ.
- Đối với tiền lãi hợp pháp 3.945.205đ **H** đã thu được của chi **N2**, anh **B** cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.
- Đối với số tiền thu lợi bất chính đã thu là 17.654.795đ, trong đó, **H** đã thu của chi **N2** 11.034.247đ; anh **B** 6.620.548đ. Quá trình điều tra chi **N2**, anh **B** không yêu cầu **H** phải trả lại khoản tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét..

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 11 năm 2022, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Trần Văn H đã sử dụng tiền cá nhân của mình cho anh Lê Ngọc H1, chị Nguyễn Thị N2, anh Văn Đình B ở trên địa bàn huyện Q và địa bàn huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa vay tổng số tiền là 90.000.000đ tiền gốc, với mức lãi suất cho vay 109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền H thu lời bất chính là 45.215.890đồng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Văn H là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân. Ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu vực. Bị cáo không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

{5} Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Q đầu thú về hành vi phạm tội của mình, quá trình lao động và học tập H được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phòng chống dịch Covid – 19 năm 2021 trên địa bàn xã Q, huyện Q. Mặt khác, gia đình bị cáo có bố để là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6]Biện pháp tư pháp:

- Truy thu của **Trần Văn H** 50.000.000đ tiền gốc chi **N2** đã trả nợ Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu 40.000.000đ của những người vay chưa trả cho **H** để nộp ngân sách Nhà nước gồm: anh **H1** 10.000.000đ, anh **B** 30.000.000đ.

- Đối với tiền lãi hợp pháp 3.945.205đ **H** đã thu được của chi **N2**, anh **B** cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính đã thu là 17.654.795đ. Trong đó, **H** đã thu của chi **N2** 11.034.247đ; anh **B** 6.620.548đ. Quá trình điều tra chi **N2**, anh **B** không yêu cầu **H** phải trả lại khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét..

[7]Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- *Xử phạt:* **Trần Văn H** 60.000.000đ

**Biện pháp tư pháp:*

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước 53.945.205đ đối với **Trần Văn H**

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với anh **Lê Ngọc H1** 10.000.000đ, anh **Văn Đình B** 30.000.000đ.

- Đối với chi **N2**, anh **B** không yêu cầu **H** phải trả lại khoản tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Buộc bị cáo **Trần Văn H** phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ **N2**, anh **H1**, anh **B** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDH, Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý